

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DSST
Ngày: 16/9/2025
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị L.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. (địa chỉ cũ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

Trong quá trình quen biết với bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N có vay tiền của bà Nguyễn Thị Xuân H với nhiều lần và có thanh toán một số lần. Trong đó có 5 đợt vay tiền ông N và bà L chưa trả tiền mà H như sau:

- Đợt 1: Ngày 18/01/2017, ông N và bà L vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 25%/năm, hẹn mùa cà phê năm 2017 trả;

- Đợt 2: Ngày 26/01/2017, ông N và bà L tiếp tục vay số tiền 30.000.000 đồng, không có lãi suất, hạn mùa cà phê năm 2017 trả;

- Đợt 3: ngày 18/02/2017 bà L và ông N vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, hạn mùa cà phê năm 2017 sẽ trả đủ;

- Đợt 4 ngày 27/11/2017, ông N và bà L tiếp tục vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 20%/năm, ông N và bà L có trả cho bà H 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 330.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả;

- Đợt 5: Ngày 01/12/2017, ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 430.000.000 đồng, hay bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là 15 ngày kể từ ngày vay. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nhưng bà N và ông L không trả cho bà H số tiền đã vay.

Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông N và bà L trả số tiền 920.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà H rút một phần nội dung đơn khởi kiện, đối với số tiền 70.000.000 đồng bà L và ông N đã trả, bà H đồng ý trừ vào tiền gốc. Bà H yêu cầu ông N và bà L phải trả là 850.000.000 đồng (*T trăm năm mươi triệu đồng*). Không yêu cầu trả lãi suất.

- *Đối với bị đơn ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị L.*

Quá trình làm việc, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, ông N và bà L không tham gia làm việc tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành tốt quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi đưa vụ án ra xét xử, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147, Điều 217; khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng khoản 2 Điều 149; các Điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân H số tiền 850.000.000 đồng (*T trăm năm mươi triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H đối với số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Xuân H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N, cư trú tại: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông). Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Xuân H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N trả số tiền 850.000.000 đồng theo các giấy vay tiền các ngày 18/01/2017; 26/01/2017; 18/02/2017; 27/11/2017 và 01/12/2017. Do đó quan hệ xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.3]. Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N là bị đơn trong vụ án. Sau khi đưa vụ án ra xét xử, bà L và ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà L là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập Bùi Đình P là chồng của bà Nguyễn Thị Xuân H làm việc để tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ông P có đơn trình bày ông P không liên quan gì đến việc bà H khởi kiện; bà H thừa nhận số tiền bà H cho ông N và bà L vay là tiền của cá nhân bà H, không liên quan đến ông P. Nên Hội đồng xét xử không xác định ông Bùi Đình P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Tại các giấy xác nhận đều có thời hạn trả nợ, thời hiệu khởi kiện đã hết. Tuy nhiên, các đương sự đều không yêu cầu áp dụng

thời hiệu khởi kiện nên áp dụng khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1]. Đối với yêu cầu trả số tiền gốc: Bà Nguyễn Thị Xuân H yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N phải thanh toán số tiền 850.000.000 đồng (*T trăm năm mươi triệu đồng*).

Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

... ”

Theo đó, tại giấy vay tiền giữa hai bên lập ngày 18/01/2017; 26/01/2017; 18/02/2017 và 27/11/2017 đều thỏa thuận mùa cà phê năm 2017 trả; số tiền vay 01/12/2017 thỏa thuận thời hạn 15 ngày sẽ trả. Tất cả những lần vay đều có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Nhưng vì đến hạn, bà L và ông N không trả tiền cho bà H nên bà L và ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.* Theo đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị L đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông N và bà L đã vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên tòa; bà L và ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mình đã trả số tiền trên cho bà H. Bà L và ông N đã từ bỏ quyền lợi của mình và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, bà H yêu cầu bà L và ông N phải trả số tiền đã vay là 850.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

[2.1.2]. Đối với yêu cầu trả lãi: Bà Nguyễn Thị Xuân H không yêu cầu trả lãi nên không xem xét giải quyết.

[2.1.3]. Đối với yêu cầu rút một phần nội dung đơn khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Xuân H cho rằng bà L và ông N đã trả 70.000.000 đồng, bà H đồng ý trừ vào tiền gốc. Nên bà H rút một phần nội dung đơn khởi kiện của số tiền 70.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần nội dung đơn khởi kiện đối với số tiền 70.000.000 đồng.

[2.2]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân H là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân H số tiền 850.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H được chấp nhận, vì vậy bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[4.]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147, Điều 217; khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng khoản 2 Điều 149; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Xuân H số tiền 850.000.000 đồng (*T trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N không thi hành thì bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N trả số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.500.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Xuân H số tiền 19.800.000 đồng (*Mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh L) theo biên lai số 0004652 ngày 16 tháng 5 năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm